

1. MỤC TIÊU

1.1. **Kiến thức.** Học sinh ôn tập các kiến thức về:

- Mẫu hỏi trên 1 bảng và trên nhiều bảng.
- Báo cáo và kết xuất báo cáo
- Cơ sở dữ liệu quan hệ và các thao tác với cơ sở dữ liệu quan hệ
- Phát biểu được khái niệm mô hình dữ liệu quan hệ
- Trình bày các đặc trưng cơ bản của mô hình quan hệ: quan hệ, thuộc tính, bộ.
- Giải thích được khái niệm khóa và khái niệm liên kết giữa các bảng.
- Liệt kê được các thao tác tạo lập cơ sở dữ liệu.
- Nhắc lại được việc nhập dữ liệu được thực hiện thông qua biểu mẫu.
- Trình bày được các thao tác khai thác dữ liệu:
 - + Sắp xếp
 - + Truy vấn cơ sở dữ liệu.
 - + Xem CSDL đã có.
 - + Kết xuất báo cáo.

1.2. **Kĩ năng:** Học sinh rèn luyện các kĩ năng:

- Biết cách tạo ra báo cáo theo yêu cầu.
- Biết cách tạo ra mẫu hỏi từ đó tạo ra báo cáo thỏa mãn yêu cầu của bài toán.
- Lựa chọn được khoá cho bảng và tạo liên kết giữa các bảng của bài toán quản lí đơn giản.
- Thực hiện tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu.
- Thực hiện được sắp xếp, truy vấn dữ liệu; xem dữ liệu, kết xuất báo cáo.
- Chọn được khóa
- Xây dựng được liên kết giữa các bảng thông qua khóa.

2. NỘI DUNG

2.1. **Các dạng câu hỏi định tính:**

1. Mẫu hỏi là gì? Nêu các ứng dụng của mẫu hỏi.
2. Hãy nêu những ưu điểm của báo cáo
3. Khi xét một mô hình dữ liệu ta cần quan tâm đến những yếu tố nào?
4. Khái niệm về cơ sở dữ liệu quan hệ.
5. Những tiêu chí nào giúp ta chọn khóa chính của bảng. Hãy cho ví dụ và giải thích.
6. Hãy nêu một công việc trong gia đình hay trong xã hội có thể dùng máy tính để quản lí, đối tượng cần quản lí và thông tin cần lưu trữ là gì, khi nào thông tin trong CSDL nói trên cần cập nhật và cập nhật những gì? Khi nào cần kết xuất thông tin từ CSDL nói trên và thông tin nào được kết xuất.

2.2. **Các dạng câu hỏi định lượng:**

- Liệt kê các bước cần thực hiện khi tạo mẫu hỏi.
- Cho một ví dụ về biểu thức trong Access.
- Bộ lọc trong bảng khác điều kiện chọn trong mẫu hỏi như thế nào?
- Hãy nêu một ví dụ thể hiện sự cần thiết của trường tính toán.
- Ôn tập bài thực hành 9, 10.

2.3. **Ma trận**

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II (2023 – 2024)
MÔN: TIN HỌC, LỚP 12 – THỜI GIẠN LÀM BÀI: 45 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức/ kỹ năng	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				% tổng điểm		
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Số CH	Điểm	% điểm

1	Hệ quản trị CSDL Microsoft ACCESS	1. Biểu mẫu	2	2	2	6	1.5	15
		2. Liên kết giữa các bảng	2	2	2	6	1,5	15
		3. Truy vấn dữ liệu	2	2	3	7	1,75	17.5
		4. Báo cáo và kết xuất báo cáo	2	2	3	7	1,75	17.5
		5. Cơ sở dữ liệu quan hệ	2	2	3	7	1,75	17.5
		6. Các thao tác với CSDL quan hệ	2	2	3	7	1,75	17.5
Tổng			12	12	16	40		
Tỉ lệ (%)		Tổng số câu: 40	30	30	40	100		

2.4. Câu hỏi và bài tập minh họa

Câu 1. Khẳng định nào sau đây đúng?

“Cơ sở dữ liệu (CSDL) là tập hợp dữ liệu có liên quan với nhau, chứa thông tin của một tổ chức nào đó, được lưu trữ trên để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của”

Hãy chọn phương án đúng trong các phương án sau đây để chọn cặp từ cần điền vào chỗ ba chấm (...) tương ứng.

- A. thiết bị nhớ, một người. B. thiết bị nhớ, nhiều người.
C. hồ sơ - sổ sách, một người. D. hồ sơ - sổ sách, nhiều người.

Câu 2. Chọn câu trả lời đúng nhất?

Vai trò của CSDL trong bài toán quản lý.

- A. Không quan trọng B. Bình thường C. Không có vai trò gì D. Rất quan trọng

Câu 3. Phương tiện nào dưới đây lưu trữ dữ liệu của một CSDL?

- A. Bộ nhớ RAM B. Bộ nhớ ROM C. Bộ nhớ ngoài D. Hồ sơ – sổ sách

Câu 4. Cơ sở giáo dục thường quản lý những thông tin nào dưới đây?

- A. Thông tin khách đến thăm, tài liệu và hoạt động giao lưu
B. Thông tin các cuộc gọi, tên và số điện thoại khách đến làm việc
C. Thông tin người học, môn học, kết quả học tập
D. Thông tin các chuyến bay, vé máy bay và lịch bay của cán bộ đi công tác

Câu 5. Các bảng dữ liệu dưới đây, bảng nào KHÔNG PHẢI là một cơ sở dữ liệu?

- A. Bảng điểm học sinh lưu trữ trên máy tính B. Bảng điểm học sinh lưu trữ trên giấy
A. Danh sách bệnh nhân lưu trữ trên máy tính
B. Danh sách khách hàng vay mượn tiền của ngân hàng lưu trữ lên máy chủ mạng LAN

Câu 6. Mô hình nào dưới đây là mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ?

- A. Mô hình phân cấp. B. Mô hình dữ liệu quan hệ.
C. Mô hình hướng đối tượng. D. Mô hình dữ liệu phân tán.

Câu 7. Khái niệm nào dưới đây KHÔNG dùng để mô tả các yếu tố tạo thành mô hình cơ sở dữ liệu?

- A. Cấu trúc dữ liệu B. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu.
C. Các ràng buộc dữ liệu. D. Cách tổ chức, lưu trữ dữ liệu.

Câu 8. Mỗi quan hệ trong một file CSDL quan hệ có các đặc trưng chính sau:

- A. Các bộ của một quan hệ có thể giống nhau
B. Quan hệ có tên riêng và có thể đặt tên giống nhau
C. Quan hệ có tên riêng phân biệt, chỉ khi nào trên các file CSDL khác nhau tên quan hệ mới có thể khác nhau
D. Các bộ của một quan hệ không được giống nhau

Câu 9. Cấu trúc dữ liệu là:

A. Cách thức tổ chức dữ liệu

B. Cách lưu dữ liệu trên máy tính

C. Cách thức mô tả dữ liệu

D. Giả thiết của bài toán

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng với khái niệm CSDL?

A. CSDL là tập hợp dữ liệu chứa đựng các kiểu dữ liệu.

B. CSDL là tập dữ liệu có liên quan với nhau theo một chủ đề nào đó được ghi lên giấy.

C. CSDL chứa dữ liệu đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người.

D. CSDL chứa dữ liệu đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của một người.

Câu 11. Hoạt động nào sau đây có sử dụng CSDL?

A. Bán vé máy bay

B. Quản lý học sinh trong nhà trường

C. Bán hàng có quy mô

D. Tất cả đều đúng

Câu 12. Về mặt cấu trúc, Mô hình dữ liệu quan hệ được thể hiện trong đối tượng nào sau đây?

A. các bảng.

B. các biểu mẫu.

C. các báo cáo.

D. một cột (một thuộc tính) trong bảng.

Câu 13. Xét về mặt cấu trúc, Thuộc tính Trường (Field) trong mô hình dữ liệu quan hệ được hiểu là

A. Cột của bảng


B. Hàng của bảng


C. Tính chất của trường


D. Mô tả trường

Câu 14. Trong MS Access sau khi chọn một trường để chỉ định là *khóa chính của bảng trong mô hình dữ liệu quan hệ*, ta thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Kích vào Primary key

B. Nháy nút 

C. Click vào nút 

D. Click vào nút 

Câu 15. Sau khi tạo liên kết giữa các bảng trong mô hình dữ liệu quan hệ, có thể thực hiện công việc nào dưới đây?

A. Tổng hợp dữ liệu chỉ từ 1 bảng

B. Tổng hợp dữ liệu chỉ từ 2 bảng

C. Tổng hợp dữ liệu chỉ từ 3 bảng

D. Tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng

Câu 16. Trong mô hình DL quan hệ, truy vấn dữ liệu KHÔNG giúp thực hiện công việc nào dưới đây?

A. Sắp xếp các bản ghi

B. Chọn các bản ghi thỏa mãn điều kiện cho trước

C. Chọn các trường để hiển thị, thực hiện tính toán, tính tổng điểm, tổng

D. Định dạng theo mẫu và in dữ liệu.

Câu 17. Dữ liệu nào sau đây KHÔNG là một CSDL của một tổ chức?

A. Bảng điểm học sinh

B. Bảng hồ sơ bệnh nhân

C. Bảng dữ liệu Khách Hàng

D. Tập văn bản

Câu 18. Trong các dữ liệu sau đây, đâu là một CSDL?

A. Một bảng điểm của học sinh B. Một văn bản C. Một bản vẽ D. Một bài trình chiếu

Câu 19. Chọn đáp án sai?

Khi sử dụng CSDL quản lý học sinh trên máy tính điện tử:

A. Phức tạp, không tiện dụng

B. Có thể cập nhật thường xuyên thông tin học sinh

C. Sắp xếp danh sách học sinh theo một tiêu chí nào đó

D. Tìm kiếm các học sinh theo ý muốn

Câu 20. Để quản lý thông tin người dùng số điện thoại của nhà mạng Vinaphone, các nhà quản lý thường xây dựng cấu trúc:

A. CSDL người dùng trên máy tính

B. dữ liệu người dùng trên giấy

C. dữ liệu người dùng trên tập văn bản

D. dữ liệu người dùng trên tập powerpoint

Câu 21. Bạn Nam có nhiều đĩa nhạc CD. Để nhanh chóng tìm được bài hát ưa thích, bạn đó đã xây dựng một chương trình cho phép nhập lần lượt thư mục của các CD bài hát vào bộ nhớ RAM và xác định xem bài hát mình ưa thích được ghi trên đĩa nào. Điều nào sau đây là đúng?

A. Chương trình của bạn Nam chưa phải là cơ sở dữ liệu vì thông tin chưa được ghi ở bộ nhớ ngoài.

B. Chương trình đó là cơ sở dữ liệu vì nó đáp ứng được nhu cầu khai thác thông tin của bạn Nam.

C. Chương trình Nam xây dựng chưa phải là cơ sở dữ liệu vì sản phẩm phần mềm đó chỉ có một người dùng.

D. CD là bộ nhớ ngoài, như vậy thông tin đã được ghi ở bộ nhớ ngoài và vì vậy chương trình của Nam là một cơ sở dữ liệu.

Câu 22. Chọn câu trả sai nhất?

Trong mô hình dữ liệu quan hệ, khi lưu trữ CSDL trên bộ nhớ ngoài thì ta cần quan tâm:

- A. Dung lượng của CSDL
- C. Tốc độ lưu trữ của máy tính

- B. Dung lượng bộ nhớ ngoài
- D. Mạng internet của máy tính

Câu 23. Chọn câu trả lời sai?

Các bảng trong mô hình dữ liệu, khi lựa chọn thông tin được đưa vào ta cần quan tâm:

- A. Mọi quan hệ giữa các thuộc tính
- B. Số thuộc tính cần đưa vào
- C. Thuộc tính nào mang tính ràng buộc
- C. Cho càng nhiều thuộc tính càng tốt

Câu 24. Giả sử một bảng có hai trường SOBH (số bảo hiểm) và trường HOTEN (họ tên), ta chọn trường SOBH làm khoá chính vì:

- A. Trường SOBH chứa giá trị ngắn hơn
- B. Trường SOBH là trường kiểu số, trong khi trường HOTEN không phải là trường kiểu số
- C. Trường SOBH chứa giá trị duy nhất, trong trường HOTEN có thể chứa giá trị giống nhau
- D. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN

Câu 25. Các phát biểu nào dưới đây SAI?

- A. Mọi liên kết giữa các quan hệ được xác lập trên thuộc tính khoá.
- B. Hai quan hệ có các thuộc tính với tên giống nhau mới xác lập được liên kết.
- C. Trong một quan hệ có thể có nhiều khoá chính.

D. Khóa chính là dùng để phân biệt giữa các bản ghi với nhau

Câu 26. Báo cáo được sử dụng để in loại thông tin nào dưới đây?

- A. Về cấu trúc quan hệ.
- B. Về các mối liên kết giữa các quan hệ.
- C. Về các bộ trong quan hệ.
- D. Về kiểu dữ liệu có trong quan hệ.

Câu 27. Giả sử một quan hệ đã có dữ liệu, thao tác nào dưới đây có thể làm thay đổi dữ liệu quan hệ.

- A. Xóa một thuộc tính.
- B. Truy vấn CSDL.
- C. Xem dữ liệu.
- D. Kết xuất báo cáo

Câu 28. Tạo bảng trong CSDL quan hệ nhằm mục đích nào dưới đây?

- A. Khai báo cấu trúc để lưu trữ dữ liệu
- B. Xác định các đối tượng của tổ chức.
- C. Tạo ra một khuôn mẫu để trình bày và in ấn dữ liệu.

D. Tạo ra giao diện thuận tiện để nhập dữ liệu.

Câu 29: Thành phần nào sau đây cho phép thực hiện các thao tác với CSDL quan hệ:

- A. Hệ QT CSDL quan hệ
- B. Hệ CSDL quan hệ
- C. Hệ CSDL
- D. Mô hình dữ liệu quan hệ

Câu 30: Trong mô hình quan hệ, thuật ngữ quan hệ để chỉ:

- A. Bộ
- B. Liên kết
- C. Thuộc tính
- D. Bảng

Câu 31: Trong mô hình quan hệ dữ liệu, một dòng của bảng được xem là:

- A. Bộ
- B. Thuộc tính
- C. Bản ghi
- D. Liên kết

Câu 32: Trong mô hình quan hệ dữ liệu, một cột của bảng được xem là:

- A. Bộ
- B. Thuộc tính
- C. Bản ghi
- D. Liên kết

Câu 33: Tạo liên kết giữa các quan hệ nhằm mục đích:

- A. Tổng hợp dữ liệu từ nhiều bảng
- B. Nhập thông tin dễ dàng
- C. In dữ liệu theo khuôn dạng
- D. Để xem, sửa và nhập dữ liệu

Câu 34: Hãy chọn phương án ghép đúng. Liên kết giữa các bảng được dựa trên :

- A. thuộc tính khoá
- B. ý định người quản trị hệ CSDL
- C. các thuộc tính trùng tên nhau giữa các bảng
- D. ý định ghép các bảng thành một bảng có nhiều thuộc tính hơn

Câu 35: Tìm phương án ghép sai. Thao tác sắp xếp bản ghi:

- A. chỉ thực hiện sắp xếp trên một trường
- B. có thể thực hiện sắp xếp trên một vài trường với mức ưu tiên khác nhau
- C. không làm thay đổi vị trí lưu các bản ghi trên đĩa
- D. để tổ chức lưu trữ dữ liệu hợp lí hơn

Câu 36: Thao tác nào với báo cáo được thực hiện cuối cùng?

- A. chọn bảng và mẫu hỏi
- B. sắp xếp và phân nhóm dữ liệu, thực hiện tổng hợp dữ liệu
- C. so sánh đối chiếu dữ liệu
- D. in dữ liệu (in báo cáo)

Câu 37: Câu nào sai trong các câu sau:

- A. Báo cáo có khả năng phân nhóm dữ liệu

- B. Có thể tạo thêm cột số thứ tự trên dữ liệu báo cáo hoặc trên từng nhóm dữ liệu của báo cáo
 - C. Báo cáo có chế độ xem trước khi in
 - D. Dữ liệu trên biểu mẫu không sắp xếp được
- Câu 38:** Thao tác nào sau đây không là khai thác CSDL quan hệ?
- A. Sắp xếp các bản ghi
 - B. Thiết lập , sửa đổi liên kết giữa các bảng
 - C. Sắp xếp thứ tự các thuộc tính
 - D. Tạo các truy vấn
- Câu 39:** Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?
- A. Xem dữ liệu
 - B. Thêm bản ghi
 - C. Xoá bản ghi
 - D. Thêm hoặc bớt thuộc tính trong cấu trúc
- Câu 40:** Thao tác nào sau đây không là thao tác cập nhật dữ liệu?
- A. Nhập dữ liệu ban đầu
 - B. Thêm bản ghi
 - C. Sửa những dữ liệu chưa phù hợp
 - D. Sao chép CSDL thành bản sao dự phòng
- Câu 41:** Thao tác nào sau đây không thuộc loại tạo lập CSDL quan hệ?
- A. Chọn khoá chính
 - B. Đặt tên bảng và lưu cấu trúc bảng
 - C. Tạo liên kết giữa các bảng
 - D. Nhập dữ liệu ban đầu
- Câu 42:** Bài toán nào sau đây cần xây dựng CSDL?
- A. Tính lương cho cán bộ của một cơ quan
 - B. Tính các khoản thu chi của gia đình hằng ngày
 - C. Quản lí kinh doanh của một cửa hàng
 - D. Quản lí chi thu của cá nhân trong tuần
- Câu 43:** Phát biểu nào sau đây là sai?
- A. Một bảng có thể liên kết với nhiều bảng trong CSDL quan hệ
 - B. Nhờ liên kết giữa các bảng, ta tập hợp được thông tin từ nhiều bảng trong CSDL quan hệ
 - C. CSDL tổ chức tốt là CSDL có ít bảng
 - D. Trong mỗi bảng của CSDL quan hệ có thể có rất nhiều bản ghi
- Câu 44:** Tiêu chí nào sau đây thường được chọn khoá chính?
- A. Khoá bất kì
 - B. Khoá có ít thuộc tính nhất
 - C. Chỉ là khoá có một thuộc tính
 - D. Không chứa các thuộc tính thay đổi theo thời gian, chẳng hạn như tên địa danh
- Câu 45:** Trong các phần mềm sau đây, phần mềm nào không phải là hệ QTCSDL quan hệ?
- A. Microsoft Access
 - B. My SQL
 - C. Microsoft SQL Server
 - D. Microsoft Excel

2.5. Đề minh họa

- Câu 1:** Hãy chọn đúng các công việc cần làm khi muốn tạo hồ sơ
- A. Xác định chủ thể cần quản lí, cấu trúc hồ sơ và thu thập thông tin, lưu trữ lại
 - B. Xác định các thông tin cần thiết, số lượng chủ thể cần quản lí
 - C. Tìm hiểu từng đối tượng cần quản lí, lưu trữ lại mọi thông tin cần thiết
 - D. Làm theo kinh nghiệm của người quản lí
- Câu 2:** Khi ta sắp xếp các hồ sơ theo một trình tự nào đó thì công việc này thuộc vào nhóm công việc gì?
- A. Cập nhật hồ sơ
 - B. Tạo hồ sơ
 - C. Khai thác hồ sơ
 - D. Một công việc khác nào đó
- Câu 3:** Trong CSDL quản lí học sinh, khi một học sinh chuyển qua trường khác thì ta cần làm thao tác nào?
- A. Khai thác hồ sơ
 - B. Cập nhật hồ sơ
 - C. Một công việc khác các việc kia
 - D. Tạo hồ sơ
- Câu 4:** Mục đích cuối cùng của việc tạo lập, cập nhật, khai thác hồ sơ là gì?
- A. Tạo ra bộ hồ sơ hoàn chỉnh cho nhiều người cùng sử dụng
 - B. Làm cho công việc của người quản lí được thuận lợi hơn
 - C. Nhằm giúp người thiết kế tạo hồ sơ có thể sử dụng được lâu dài
 - D. Phục vụ cho quá trình lập kế hoạch, ra quyết định xử lí công việc của người có trách nhiệm
- Câu 5:** Một cơ sở dữ liệu là một tập hợp các...(1)...có liên quan với nhau, chứa thông tin của một tổ chức nào đó, được lưu trữ trên các...(2)...để đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin của nhiều người dùng với nhiều mục đích khác nhau.
- A. (1): dữ liệu; (2): thiết bị nhớ
 - B. (1): thông tin; (2): đĩa cứng dung lượng lớn
 - C. (1): chủ thể; (2): máy tính có nối mạng
 - D. (1): chương trình; (2): máy chủ
- Câu 6:** Phần mềm cung cấp một môi trường thuận lợi và hiệu quả để tạo lập, lưu trữ và khai thác thông tin của CSDL được gọi là?
- A. Cơ sở dữ liệu
 - B. Hệ cơ sở dữ liệu
 - C. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu
 - D. Phần mềm hệ thống

Câu 7: Người ta thường dùng thuật ngữ hệ cơ sở dữ liệu để chỉ một...(1)...cùng với...(2)...quản trị và khai thác CSDL đó.

- A. (1): bộ quản lý dữ liệu; (2): bộ xử lý truy vấn
- B. (1): hệ quản trị cơ sở dữ liệu; (2): bộ quản lý tệp
- C. (1): cơ sở dữ liệu; (2): bộ quản lý dữ liệu
- D. (1): cơ sở dữ liệu; (2): hệ quản trị cơ sở dữ liệu

Câu 8: Với một bảng dữ liệu, hệ QTCSDL không cho phép:

- A. Xem nội dung các bản ghi
- B. Xem từng nhóm bản ghi, mỗi bản ghi tương ứng với một hàng
- C. Xem đồng thời cấu trúc và nội dung bản ghi
- D. Xem từng bản ghi riêng biệt

Câu 9: Một hệ quản trị CSDL không có chức năng nào trong các chức năng dưới đây?

- A. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL
- B. Cung cấp môi trường cập nhật và khai thác dữ liệu
- C. Cung cấp công cụ quản lý bộ nhớ
- D. Cung cấp công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL

Câu 10: Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu thực chất là:

- A. Ngôn ngữ lập trình Pascal
- B. Ngôn ngữ C
- C. Các kí hiệu toán học dùng để thực hiện các tính toán
- D. Hệ thống các kí hiệu để mô tả CSDL

Câu 11: Ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép:

- A. Đảm bảo tính độc lập dữ liệu
- B. Khai báo kiểu dữ liệu, cấu trúc dữ liệu và các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- C. Mô tả các đối tượng được lưu trữ trong CSDL
- D. Khai báo kiểu dữ liệu của CSDL

Câu 12: Ngôn ngữ thao tác dữ liệu bao gồm các lệnh cho phép:

- A. Nhập, sửa, xóa dữ liệu
- B. Khai báo kiểu, cấu trúc, các ràng buộc trên dữ liệu của CSDL
- C. Khai thác dữ liệu như: tìm kiếm, sắp xếp, kết xuất báo cáo...
- D. Câu A và C

Câu 13: Những nhiệm vụ nào dưới đây không thuộc nhiệm vụ của công cụ kiểm soát, điều khiển truy cập vào CSDL

- A. Duy trì tính nhất quán của CSDL
- B. Cập nhật (thêm, sửa, xóa)
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố
- D. Phát hiện và ngăn chặn các truy cập không được phép

Câu 14: Hệ quản trị CSDL có các chương trình thực hiện những nhiệm vụ:

- A. Phát hiện và ngăn chặn sự truy cập không được phép, tổ chức và điều khiển truy cập đồng thời
- B. Duy trì tính nhất quán của dữ liệu, quản lý các mô tả dữ liệu
- C. Khôi phục CSDL khi có sự cố ở phần cứng hay phần mềm
- D. Cả 3 đáp án A, B và C

Câu 15: Chọn câu trả lời chính xác:

- A. Hệ quản trị CSDL là một bộ phận của ngôn ngữ CSDL, đóng vai trò chương trình dịch cho ngôn ngữ CSDL
- B. Người lập trình ứng dụng không được phép đồng thời là người quản trị hệ thống vì như vậy vi phạm qui tắc an toàn và bảo mật
- C. Hệ quản trị CSDL hoạt động độc lập, không phụ thuộc vào hệ điều hành
- D. Người quản trị CSDL phải hiểu biết sâu sắc và có kỹ năng tốt trong các lĩnh vực CSDL, hệ quản trị CSDL và môi trường hệ thống

Câu 16: người nào đã tạo ra các phần mềm ứng dụng đáp ứng nhu cầu khai thác thông tin từ CSDL?

- A. Người dung
- B. Người lập trình ứng dụng
- C. Người quản trị CSDL
- D. Cả ba người trên

Câu 17: Người nào có vai trò quan trọng trong vấn đề phân quyền hạn truy cập sử dụng CSDL?

- A. Người lập trình
- B. Người dùng
- C. Người quản trị
- D. Người quản trị CSDL

Câu 18: Trong vai trò của con người khi làm việc với các hệ CSDL, người thiết kế và cấp phát quyền truy cập CSDL là người?

- A. Người lập trình ứng dụng B. Người sử dụng C. Người quản trị CSDL
D. Người bảo hành các thiết bị phần cứng của máy tính

Câu 19: Chức năng của hệ quản trị CSDL?

- A. Cung cấp cách khai báo dữ liệu
B. Cung cấp môi trường tạo lập CSDL và công cụ kiểm soát, điều khiển việc truy cập vào CSDL
C. Cung cấp cách cập nhật dữ liệu, tìm kiếm và kết xuất thông tin
D. Câu B và C

Câu 20: Qui trình xây dựng CSDL là:

- A. Khảo sát → Thiết kế → Kiểm thử B. Khảo sát → Kiểm thử → Thiết kế
C. Thiết kế → Kiểm thử → Khảo sát D. Thiết kế → khảo sát → Kiểm thử

Câu 21 : Mô hình phổ biến để xây dựng CSDL quan hệ là:

- A. Mô hình phân cấp B. Mô hình dữ liệu quan hệ
C. Mô hình hướng đối tượng D. Mô hình cơ sở quan hệ

Câu 22: Các khái niệm dùng để mô tả các yếu tố nào sẽ tạo thành mô hình dữ liệu quan hệ?

- A. Cấu trúc dữ liệu B. Các ràng buộc dữ liệu
C. Các thao tác, phép toán trên dữ liệu D. Tất cả câu trên

Câu 23: Trong mô hình quan hệ, về mặt cấu trúc thì dữ liệu được thể hiện trong các:

- A. Cột (Field) B. Hàng (Record) C. Bảng (Table) D. Báo cáo (Report)

Câu 24: Thao tác trên dữ liệu có thể là:

- A. Sửa bản ghi B. Thêm bản ghi C. Xoá bản ghi D. Tất cả đáp án trên

Câu 25: Phát biểu nào về hệ QTCSDDL quan hệ là đúng?

- A. Phần mềm dùng để xây dựng các CSDL quan hệ
B. Phần mềm dùng để tạo lập, cập nhật và khai thác CSDL quan hệ
C. Phần mềm Microsoft Access
D. Phần mềm để giải các bài toán quản lý có chứa các quan hệ giữa các dữ liệu

Câu 26: Phát biểu nào trong các phát biểu sau là sai khi nói về miền?

- A. Các miền của các thuộc tính khác nhau không nhất thiết phải khác nhau
B. Mỗi một thuộc tính có thể có hai miền trở lên
C. Hai thuộc tính khác nhau có thể cùng miền
D. Miền của thuộc tính họ tên thường là kiểu text

Câu 27: Đặc điểm nào sau đây không là đặc trưng của một quan hệ trong hệ CSDL quan hệ?

- A. Các bộ là phân biệt và thứ tự các bộ không quan trọng
B. Quan hệ không có thuộc tính đa trị hay phức tạp
C. Mỗi thuộc tính có một tên phân biệt và thứ tự các thuộc tính là quan trọng
D. Tên của các quan hệ có thể trùng nhau

Câu 28: Phát biểu nào sai trong các phát biểu sau khi nói về khoá chính?

- A. Một bảng có thể có nhiều khoá chính
B. Mỗi bảng có ít nhất một khoá
C. Xác định khoá phụ thuộc vào quan hệ logic của các dữ liệu chứ không phụ thuộc vào giá trị các DL
D. Nên chọn khoá chính là khoá có ít thuộc tính nhất

Câu 29: Giả sử một bảng có 2 trường SOBH (số bảo hiểm) và HOTEN (họ tên) thì nên chọn trường SOBH làm khoá chính hơn vì :

- A. Trường SOBH là duy nhất, trong khi đó trường HOTEN không phải là duy nhất
B. Trường SOBH là kiểu số, trong khi đó trường HOTEN không phải là kiểu số
C. Trường SOBH đứng trước trường HOTEN
D. Trường SOBH là trường ngắn hơn

Câu 30: Cho các bảng sau :

- DanhMucSach(MaSach, TenSach, MaLoai)
- LoaiSach(MaLoai, LoaiSach)
- HoaDon(MaSach, SoLuong, DonGia)

Để biết giá của một quyển sách thì cần những bảng nào ?

- A. HoaDon B. DanhMucSach, HoaDon

C. DanhMucSach, LoaiSach

D. HoaDon, LoaiSach

Câu 31. Hai bảng trong một CSDL quan hệ liên kết với nhau thông qua :

A. Địa chỉ của các bảng

B. Thuộc tính khóa (*)

C. Tên trường

D. Thuộc tính của các trường được chọn (không nhất thiết phải là khóa)

Câu 32. Hai bảng trong một CSDL quan hệ được liên kết với nhau bởi các khóa. Điều khẳng định nào sau đây là đúng?

A. Các khóa liên kết phải là khóa chính của mỗi bảng

B. Trong các khóa liên kết phải có ít nhất một khóa là khóa chính ở một bảng nào đó (*)

C. Trong các khóa liên kết có thể không có khóa chính nào tham gia

D. Tất cả đều đúng

Câu 33. Hai nhóm cùng được giao thiết kế một CSDL và làm việc độc lập với nhau. Điều khẳng định nào sau đây là sai ?

A. Các bộ thuộc tính khóa sẽ giống nhau ngoại trừ tên gọi

B. Các bộ thuộc tính khóa có thể khác nhau, nhưng các khóa chính giống nhau (không tính cách đặt tên)

C. Có thể có bộ khóa khác nhau và khóa chính khác nhau

D. Cả A. B. đều sai (*)

Câu 34. Hãy chọn phương án trả lời đúng. Có các câu trả lời sau cho câu hỏi : “Tại sao phải khai báo kích thước cho mỗi trường?” :

A. Để giúp hệ thống kiểm tra tính đúng đắn khi nhập dữ liệu

B. Để hệ thống dự trữ vùng nhớ phục vụ ghi dữ liệu

C. Để có thể tính kích thước của bản ghi (bộ dữ liệu) và xác định vị trí các trường trong bản ghi

D. Tất cả đều đúng (*)

Câu 35. Hãy cho biết loại cập nhật cấu trúc nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:

A. Thêm một vài trường mới

B. Xóa một vài trường không phải là trường khóa chính

C. Thay đổi tên của một trường không phải là trường khóa

D. Tất cả đều được (*)

Câu 36. Hãy cho biết loại cập nhật cấu trúc nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:

A. Thêm một vài trường mới (*)

B. Thay đổi kích thước của một trường

C. Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

D. Tất cả đều được

Câu 37. Hãy cho biết loại cập nhật cấu trúc nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:

A. Xóa một vài trường không phải là trường khóa chính (*)

B. Thay đổi kích thước của một trường

C. Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

D. Tất cả đều được

Câu 38. Hãy cho biết loại cập nhật cấu trúc nào dưới đây luôn có thể thực hiện được với một bảng:

A. Thay đổi kích thước của một trường

B. Thay đổi kiểu dữ liệu của một trường

C. Thay đổi tên của một trường không phải là trường khóa (*)

D. Tất cả đều được

Câu 39. Hãy cho biết ý kiến nào là sai . Với một bảng dữ liệu, hệ QTCSDDL cho phép:

A. Xem mối liên kết giữa bảng đó với các bảng khác

B. Xem nội dung các bản ghi

C. Xem một số trường của mỗi bản ghi

D. Xem đồng thời cấu trúc và nội dung bản ghi

Câu 40. Hãy cho biết ý kiến nào là sai . Với một bảng dữ liệu, hệ QTCSDDL cho phép:

A. Xem từng nhóm bản ghi, mỗi bản ghi tương ứng với một hàng

B. Xem từng bản ghi riêng biệt (thông thường mỗi hàng tương ứng với một bản ghi)

C. Xem từng bản ghi hay nhóm bản ghi theo dạng thiết kế (biểu mẫu xem)

D. Xem đồng thời cấu trúc và nội dung bản ghi

-----HẾT-----

Hoàng Mai, ngày 4 tháng 4 năm 2024

TỔ (NHÓM) TRƯỞNG

PHAN TRỌNG DŨNG